TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 02-6-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tính

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Phới;

Ông Nguyễn Nam Đừng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quốc Hi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2025, tại hai điểm cầu gồm điểm cầu trung tâm tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 48/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Lưu Văn L, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà với ông Lưu Văn L chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 27/3/2014. Quá trình chung sống với ông Lưu Văn L có 01 con chung tên Lưu Anh B, sinh ngày 21/10/2014 hiện đang sống với bà. Nguyên

nhân mâu thuẫn dẫn đến việc xin ly hôn là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau hay cự cãi chuyện gia đình, ông Lưu Văn L thường uống rượu bia về la mắng bà và hăm dọa giết bà, không chăm lo cho vợ con, nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bà với ông Lưu Văn L đã sống ly thân khoảng 01 năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lưu Văn L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lưu Anh B, sinh ngày 21/10/2014 hiện đang sống với bà; bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Lưu Anh B, sinh ngày 21/10/2014; theo đơn khởi kiện bà yêu cầu ông Lưu Văn L phải cấp dưỡng nuôi con chung tên Lưu Anh B, sinh ngày 21/10/2014 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, nay bà không yêu cầu ông Lưu Văn L phải cấp dưỡng nuôi con chung, không tranh chấp nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không tranh chấp nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không tranh chấp nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lưu Văn L trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị M về thời điểm chung sống, có đăng ký kết hôn, về con chung, là hoàn toàn đúng thực tế. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng hay cự cãi, không hợp nhau, nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông thừa nhận khi uống rượu bia ông có la mắng và hăm dọa giết bà Nguyễn Thị M nhưng chỉ hăm dọa chứ không có thực hiện, ông với bà Nguyễn Thị M đã sống ly thân khoảng 01 năm nay. Nay ông nhận thấy ông vẫn còn tình cảm với bà Nguyễn Thị M, ông muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng chăm lo cho con chung nên ông không thống nhất với yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị M.

Trường hợp có căn cứ giải quyết cho bà Nguyễn Thị M với ông ly hôn thì ông có ý kiến như sau:

Về con chung: Có 01 con chung tên Lưu Anh B, sinh ngày 21/10/2014 hiện đang sống với bà Nguyễn Thị M; ông cũng đồng ý giao con chung tên Lưu Anh B, sinh ngày 21/10/2014 cho bà Nguyễn Thị M được tiếp tục nuôi dưỡng; ông không phải cấp dưỡng nuôi con chung, không tranh chấp nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không tranh chấp nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không tranh chấp nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bị đơn, bị đơn không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; các đương sự thỏa thuận giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Lưu Văn L chung sống với nhau vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 27/3/2014, nên hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị M và ông Lưu Văn L được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc ly hôn theo lời trình bày bà Nguyễn Thị M là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau hay cự cãi chuyện gia đình, ông Lưu Văn L thường uống rượu bia về la mắng và hăm dọa giết bà, không chăm lo cho vợ con, nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bà và ông Lưu Văn L đã sống ly thân khoảng 01 năm nay; ông Lưu Văn L thừa nhận vợ chồng có cự cãi, không hợp nhau, nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, khi có uống rượu bia thì ông có la mắng và hăm dọa giết bà Nguyễn Thị M nhưng chỉ hăm dọa chứ không có thực hiện, ông và bà Nguyễn Thị M đã sống ly thân khoảng 01 năm nay. Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "1. vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đơn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình". Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa bà Nguyễn Thị M và ông Lưu Văn L bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, chung sống không hạnh phúc và vợ chồng đã ly thân không còn chung sống với nhau khoảng 01 năm nay. Tòa án có tiến hành xác minh tại địa phương được biết ông Lưu Văn L và bà Nguyễn Thị M có cự cãi, lời qua tiếng lại, ông Lưu Văn L cũng có thường xuyên uống rượu bia, sau khi uống rượu bia về ông Lưu Văn L và bà Nguyễn Thị M có cự cãi; ông Lưu Văn L và bà Nguyễn Thị M không còn chung sống với nhau từ tết năm 2025 cho đến nay. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị M và ông Lưu Văn L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Nguyễn Thị M yêu cầu được ly hôn với ông Lưu Văn L là có cơ sở chấp nhận và phù hợp với Điều 51, 56 Luật Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M, cho bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Lưu Văn L.

Về con chung: Đề nghị giao con chung tên Lưu Anh B, sinh ngày 21/10/2014 cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị M không tranh chấp, không yêu cầu ông Lưu Văn L cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị M, ông Lưu Văn L không tranh chấp nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong vụ kiện này nguyên đơn bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân bà yêu cầu được ly hôn với ông Lưu Văn L, về con chung bà yêu cầu được nuôi con chung, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết; bị đơn ông Lưu Văn L không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung, do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Lưu Văn L chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên hôn nhân của bà Nguyễn Thị M và ông Lưu Văn L là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị M và ông Lưu Văn L: Bà Nguyễn Thị M cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau hay cự cãi chuyện gia đình, ông Lưu Văn L thường uống rượu bia về la mắng bà và hăm dọa giết bà, không chăm lo cho vợ con, nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bà với ông Lưu Văn L đã sống ly thân khoảng 01 năm nay. Ông Lưu Văn L cũng thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng hay cự cãi, không hợp nhau, nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông thừa nhận khi uống rượu bia ông có la mắng và hăm dọa giết bà Nguyễn Thị M nhưng chỉ hăm dọa chứ không có thực hiện, ông với bà Nguyễn Thị M đã sống ly thân khoảng 01 năm nay; ông Lưu Văn L cho rằng ông vẫn còn tình cảm với bà Nguyễn Thị M, ông muốn vợ chồng đoàn tụ, nên ông không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị M.

Mâu thuẫn hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị M và ông Lưu Văn L cũng đã được Tòa án xác minh ông Lưu Văn A là cha ruột của ông Lưu Văn L có lời trình bày cho rằng bà Nguyễn Thị M và ông Lưu Văn L cũng có cãi nhau, ông Lưu Văn L cũng thường xuyên uống rượu bia, sau khi ông Lưu Văn L uống rượu bia về thì

giữa bà Nguyễn Thị M và ông Lưu Văn L có cãi nhau, ông Lưu Văn L có đe dọa đánh bà Nguyễn Thị M nhưng không có đánh, từ đó bà Nguyễn Thị M bỏ về nhà mẹ ruột sống cho đến nay (BL 28-29); cán bộ Tư pháp hộ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh nơi bà Nguyễn Thị M và ông Lưu Văn L sinh sống có lời trình bày cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị M với ông Lưu Văn L là do ông Lưu Văn L thường xuyên uống rượu bia về nhà thì vợ chồng có cự cãi, lời qua tiếng lại, ông Lưu Văn L có đe dọa giết bà Nguyễn Thị M (BL 30).

Thấy rằng, từ khi nộp đơn khởi kiện đến nay bà Nguyễn Thị M vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông Lưu Văn L; khi Tòa án thụ lý vụ án, mời các đương sự hòa giải, tạo điều kiện và thời gian để bà Nguyễn Thị M và ông Lưu Văn L tìm giải pháp hàn gắn, đoàn tụ với nhau; ông Lưu Văn L cho rằng không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị M nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa hôm nay ông Lưu Văn L không có bất kỳ biện pháp, hành động nào để hàn gắn, đoàn tụ với bà Nguyễn Thị M. Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì "1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau,…", bà Nguyễn Thị M và ông Lưu Văn L không thực hiện được đều này, không cùng nhau chung sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mà mỗi người sống một nơi khác nhau, không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lưu Văn L là có căn cứ.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Lưu Văn L đều thống nhất quá trình chung sống có 01 con chung tên Lưu Anh B, sinh ngày 21/10/2014 hiện đang sống chung với bà Nguyễn Thị M; bà Nguyễn Thị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, ông Lưu Văn L cũng đồng ý giao con chung cho bà Nguyễn Thị M được tiếp tục nuôi dưỡng; Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị M và ông Lưu Văn L, giao con chung tên Lưu Anh B, sinh ngày 21/10/2014 cho bà Nguyễn Thị M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Lưu Anh B muốn sống chung với mẹ là bà Nguyễn Thị M.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị M yêu cầu ông Lưu Văn L phải cấp dưỡng nuôi con chung tên Lưu Anh B, sinh ngày 21/10/2014 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị M thay đổi yêu cầu, bà Nguyễn Thị M không tranh chấp, không yêu cầu ông Lưu Văn L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Lưu Văn L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Lưu Văn L thống nhất khai không có, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Xét quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 4, Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M, cho bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Lưu Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lưu Anh B, sinh ngày 21/10/2014 chao bà Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị M không tranh chấp, không yêu cầu ông Lưu Văn L cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị M với ông Lưu Văn L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị M với ông Lưu Văn L không tranh chấp,

không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009002 ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh; bà Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- UBND xã T, huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hữu Tính